

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Số: 61/2021/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 18 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2669/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1979.
2. Bà Hồ Thị Ng, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Tổ A, Khu phố B, phường L, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, ông D và bà Ng cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông D, bà Ng thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 08/01/2021. Ông D, bà Ng cùng cư trú tại phường L thuộc thành phố Biên Hòa, đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông D, bà Ng được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Nguyễn Xuân D và bà Hồ Thị Ng chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện QL, tỉnh Ng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 24/7/2001. Ông D, bà Ng có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Hồ Anh T, sinh ngày

23/10/2006. Ông D, bà Ng thỏa thuận giao cháu Tuấn cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông D không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông D, bà Ng không yêu cầu xem xét. Ông D, bà Ng tự thỏa thuận tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình chung sống, ông D, bà Ng thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông D, bà Ng xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy ông D, bà Ng thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung; sự thỏa thuận của ông D, bà Ng đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con, phù hợp với nguyện vọng của con chung; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông D, bà Ng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Xuân D và bà Hồ Thị Ng.

- Về con chung: ông Nguyễn Xuân D và bà Hồ Thị Ng xác định có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 12/6/2001 và Nguyễn Hồ Anh T, sinh ngày 23/10/2006. Ông D, bà Ng thỏa thuận giao cháu Tuấn cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời ông D không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu N đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên ông D, bà Ng không yêu cầu xem xét.

Ông D, bà Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: ông D, bà Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: ông D, bà Ng trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: ông D, bà Ng mỗi người phải chịu 150.000đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0007724 ngày 09/12/2020 của Chi Cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, ông D, bà Ng đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Q, huyện QL, tỉnh Ng.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ